

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 16-11-2018

V/v: Ly hôn giữa ông Lò Văn D
và bà Lường Thị A.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Quang

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Cao Thượng

2. Bà Đồng Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Sóng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2018, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lò Văn D - sinh năm 1962. Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện ĐĐ, tỉnh ĐB. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Lường Thị A - sinh ngày 1963. Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện ĐĐ, tỉnh ĐB. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/7/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lò Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Về hôn nhân: Ông D và bà Lương Thị A về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán dân tộc Thái. Đến năm 2004 được sự tuyên truyền của chính quyền địa phương Ông D và bà A mới đi làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 125 ngày 20/7/2004. Cuộc sống vợ chồng yên ổn, hạnh phúc nhưng do bà Lương Thị A thường xuyên ghen tuông dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn từ năm 1992. Hai vợ chồng nhiều lần được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải quay lại đoàn tụ rồi lại mâu thuẫn. Đỉnh điểm từ tháng 4 năm 2018 hai người không thể chung sống với nhau được nữa, cả hai đã mời đại diện trưởng bản, bí thư bản và đại diện hai bên gia đình có mặt cả 04 con chung thống nhất tự chia tài sản cho các con rồi mỗi người sống một nơi. Bà Lương Thị A sống với người con trai đầu Lò Văn T còn Ông D làm nhà ra ở riêng, không ai quan tâm đến ai. Vậy để giải quyết dứt điểm tình trạng hôn nhân này, ông Lò Văn D đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Lương Thị A.

2. Về con chung: Ông Lò Văn D khai hai vợ chồng có 04 con chung gồm: Lò Văn T - sinh năm 1982; Lò Văn K - sinh năm 1984; Lò Văn T1 - sinh năm 1989 và Lò Văn P - sinh năm 1990. Hiện nay cả bốn con đã đủ tuổi thành trưởng thành và xây dựng gia đình riêng nên Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, riêng; nợ chung, nợ riêng: Ông D không không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Lương Thị A đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án và triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án nhưng bà A không liên hệ Tòa án giải quyết. Tòa án cũng đã đến cơ sở để tiến hành hòa giải và lấy lời khai của bà A nhưng bà A từ chối không làm việc với Tòa án. Vì vậy trong hồ sơ không có lời khai nào của bị đơn Lương Thị A.

Ngày 01/11/2018, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn bà Lương Thị A vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã có quyết định hoãn phiên tòa số 02/QĐ-TA ngày 01/11/2018 theo đúng quy định của pháp luật.

** Kiểm sát viên tham dự phiên tòa có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn D cho được ly hôn với bà Lương Thị A. Các vấn đề về tài sản chung; trách nhiệm nuôi con chung các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX giải quyết. Đề nghị Tòa án miễn án phí cho Ông D theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Ông Lò Văn D làm đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho được ly hôn với bà Lường Thị A trú tại bản P, xã M, huyện ĐĐ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ giải quyết là tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Lường Thị A vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Lường Thị A.

[2]. Xét luật nội dung giải quyết vụ án.

Do thời điểm xác lập quan hệ hôn nhân giữa ông Lò Văn D và bà Lường Thị A về chung sống với nhau từ năm 1983, trước ngày Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực cho nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ -QH10 ngày 09/6/2000 áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình 2000 để giải quyết.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông Lò Văn D, Hội đồng xét xử xét thấy ông Lò Văn D và bà Lường Thị A về chung sống như vợ chồng từ năm 1983 và đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc kết hôn này theo hướng dẫn tại Nghị định số 77/ 2001/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2001 đã được UBND xã Mường Luân thực hiện đúng hướng dẫn và ghi chú rõ trong sổ đăng ký kết hôn. Do vậy, căn cứ Mục 1 của Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC - VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 về hướng dẫn Nghị quyết 35/200/QH10 ngày 9/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình 2000 thì mặc dù năm 2004 Ông D và bà A mới đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng thời điểm xác định hôn nhân hợp pháp được xác định là từ ngày bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng. Do ông D không nhớ chính xác ngày tháng chỉ nhớ năm về chung sống là năm 1983. Nên căn cứ vào Hướng dẫn của Tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 77 thì quan hệ vợ chồng được xác lập tính từ ngày 01/01/1984. Do đó Tòa án công nhận hôn nhân giữa Ông D và bà A là hợp pháp, tính từ ngày 01/01/1984.

Nay, Ông Lò Văn D làm đơn xin ly hôn, Tòa án xét tình trạng hôn nhân giữa Ông D và bà A thấy rằng: Mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lương Thị A không hợp tác giải quyết, không có lời khai trong hồ. Nhưng từ lời khai của nguyên đơn ông Lò Văn D và thực tế ngày 28/9/2018 Tòa án về cơ sở xác minh tình trạng hôn nhân giữa Ông D và bà A nhận thấy các đương sự có mâu thuẫn nguyên nhân chính là bà A nghi ngờ Ông D ngoại tình và tình trạng hai vợ chồng thường xuyên xô xát là có thực; đỉnh điểm từ tháng 4/2018 hai vợ chồng đã không sống cùng nhau, bà A sống với con trai đầu; Ông D làm nhà ra ở riêng, không còn quan tâm với nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa Ông D và bà A thực sự không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lò Văn D cho được ly hôn với bà Lương Thị A theo khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung:

Các đương sự có 04 con chung như nguyên đơn khai gồm Lò Văn T - sinh năm 1982; Lò Văn K - sinh năm 1984; Lò Văn T1 - sinh năm 1989 và Lò Văn P - sinh năm 1990. Căn cứ vào giấy khai sinh và thực tế xác minh của Tòa án thì các con của các đương sự đã đủ tuổi thành trưởng thành và xây dựng gia đình riêng. Việc Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết trách nhiệm nuôi con chung là phù hợp cần chấp nhận không xem xét.

[5]. Về tài sản chung, riêng; nợ chung, nợ riêng của vợ chồng:

Nguyên đơn ông Lò Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn không có lời khai trong hồ sơ. Do vậy, Tòa án không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí:

Hội đồng xét xử xét thấy ông Lò Văn D là dân tộc Thái cư trú tại xã Mường Luân, huyện Điện Biên Đông nơi có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 cần xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho Ông D là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông Lò Văn D được ly hôn với bà Lường Thị A.

2. Về án phí: ông Lò Văn D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2018). Bà Lường Thị A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hồng Quang